

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SẢN XUẤT THÀNH CÔNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SẢN XUẤT THÀNH CÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2300986122

3. Ngày thành lập: 16/06/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thửa đất số 187, Khu phố Nguyễn Giáo, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0986532059

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                        | 1101        |
| 2.  | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                                   | 1103        |
| 3.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                              | 1104        |
| 4.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                           | 3312        |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                  | 4511        |
| 6.  | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                         | 4512        |
| 7.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                       | 4520        |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                   | 4530        |
| 9.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                    | 4541        |
| 10. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                  | 4542        |
| 11. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                | 4543        |
| 12. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632        |
| 13. | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633(Chính) |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649        |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659        |
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690        |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 19. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723        |
| 20. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                  | 4724        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4752                                                         |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                            | 4759                                                         |
| 23. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                  | 4772                                                         |
| 24. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                                                                                                                                               | 4920                                                         |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                | 4931                                                         |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                   | 4932                                                         |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                     | 4933                                                         |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                | 7730                                                         |
| 29. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                              | 4634                                                         |
| 30. | (Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 600.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRÌNH THỊ MỸ HẠNH | Thôn Đồng Dinh, Xã Tiên Nha, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 5,000     | 122303945                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG CÔNG CÔNG   | Thôn Nghiêm Thôn, Thị trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 5,000     | 125215559                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                 |                   |         |               |        |           |  |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | NGUYỄN VĂN THÀNH | Khu phố Nguyễn Giáo, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 540.000 | 5.400.000.000 | 90,000 | 121420177 |  |
|   |                  |                                                                                 | Tổng số           | 540.000 | 5.400.000.000 | 90,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                 |                   |         |               |        |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121420177

Ngày cấp: 14/12/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố Nguyễn Giáo, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu phố Nguyễn Giáo, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh